

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐIỀU KIỆN CỦA CHỦ THỂ TRONG QUAN HỆ NUÔI CON NUÔI CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

TRẦN VĂN ANH

Trường Đại học Lao động – Xã hội

NGUYỄN THỊ VĂN ANH

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

Nhận bài ngày 03/9/2026. Sửa chữa xong 28/9/2026. Duyệt đăng 02/10/2026.

Abstract

In the context of international integration, ensuring the rights of children in civil relations involving foreign elements is an important requirement in Vietnam. This article analyzes the current legal provisions on the eligibility requirements for parties to intercountry adoption under the 2010 Law on Adoption. By comparing Vietnamese law with the 1993 Hague Convention, the article identifies several shortcomings concerning the age requirements for prospective adoptive parents, criteria relating to the circumstances of children eligible for adoption, and the compatibility of provisions on specified-child adoption with the principle of subsidiarity. On this basis, it proposes recommendations for improving the relevant legal framework. The study contributes to better ensuring the best interests of the child and enhancing the effectiveness of international judicial cooperation.

Keywords: 1993 Hague Convention, adoption eligibility, intercountry adoption.

1. Đặt vấn đề

Bảo vệ quyền trẻ em là ưu tiên hàng đầu trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Là thành viên Công ước La Hay năm 1993, từ năm 2011 đến năm 2022, Việt Nam đã giải quyết cho 4.226 trẻ em làm con nuôi tại 34 quốc gia, khẳng định cam kết nhân đạo và trách nhiệm quốc tế (Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp, 2021). Tuy nhiên, sau hơn một thập kỷ thi hành, Luật Nuôi con nuôi năm 2010 đã bộc lộ nhiều bất cập. Cụ thể, các quy định về điều kiện của người nhận con nuôi, người được nhận làm con nuôi còn chưa hoàn toàn tương thích với các chuẩn mực quốc tế. Bài viết này tập trung phân tích thực trạng pháp luật và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện quy định về điều kiện của các chủ thể trong quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài, bảo đảm tối đa nguyên tắc “vì lợi ích tốt nhất của trẻ em”.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Cơ sở lý thuyết

Việc nghiên cứu và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về điều kiện của chủ thể trong quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam được xây dựng trên ba hệ thống lý thuyết và nguyên tắc pháp lý cốt lõi sau:

Thứ nhất, nguyên tắc “Vì lợi ích tốt nhất của trẻ em”: Được ghi nhận tại Công ước Quyền trẻ em 1989 và Công ước La Hay 1993, nguyên tắc này đòi hỏi mọi quy định về điều kiện của người nhận nuôi (độ tuổi, tư cách, tài chính, sức khỏe) và trẻ được nhận nuôi phải lấy sự phát triển an toàn, lành mạnh của trẻ làm trọng tâm, tuyệt đối không vì mục đích thương mại hay nhu cầu riêng của người lớn.

Thứ hai, nguyên tắc bổ trợ: Theo Công ước La Hay 1993 và Luật Nuôi con nuôi 2010, gia đình gốc và gia đình thay thế trong nước luôn là ưu tiên hàng đầu. Việc cho làm con nuôi nước ngoài chỉ là giải pháp bảo vệ thay thế cuối cùng khi không thể tìm được môi trường chăm sóc phù hợp trong nước. Đây là nền tảng để đánh giá tính hợp lý của các thủ tục tìm gia đình thay thế hiện hành.

Email: anhtv@ulsa.edu.vn.

Thứ ba, lý thuyết về sự tương thích và hài hòa hóa pháp luật: Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và tăng cường hợp tác tư pháp, hệ thống pháp luật quốc gia về tư pháp quốc tế cần bảo đảm sự tương thích với các chuẩn mực quốc tế chung. Lý thuyết hài hòa hóa pháp luật đóng vai trò làm công cụ lý luận để so sánh, đối chiếu quy định của Việt Nam với chuẩn mực quốc tế và kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia khác, từ đó phát hiện các khoảng trống pháp lý, điểm mâu thuẫn và đề xuất hướng sửa đổi phù hợp.

2.1.2. Tổng quan nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu

Chế định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam đã được tiếp cận qua nhiều công trình nghiên cứu tiêu biểu như: Luận văn thạc sĩ luật học “*Bảo vệ quyền trẻ em trong lĩnh vực nuôi con có yếu tố nước ngoài ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Nguyễn Thị Hồng Trinh (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2010); Luận văn Thạc sĩ Luật học “*Pháp luật Việt Nam về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài với việc bảo vệ quyền trẻ em*” của tác giả Phạm Mỹ Dung (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2016); bài viết “*Những bất cập về điều kiện nuôi con nuôi trong Luật Nuôi con nuôi năm 2010*” của tác giả Nguyễn Phúc Long (Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, 2017) và bài viết “*Luật Nuôi con nuôi năm 2010 – Những hạn chế, bất cập và hướng hoàn thiện*” của tác giả Nguyễn Thị Lan (Tạp chí Luật học, 2022).

Nhìn chung, các công trình nêu trên đã phân tích toàn diện lý luận về nuôi con nuôi và thực tiễn thi hành Luật Nuôi con nuôi năm 2010. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu tiếp cận ở phạm vi khái quát chung hoặc tập trung vào quy trình giải quyết nuôi con nuôi mà chưa đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống về điều kiện của từng nhóm chủ thể đối chiếu với chuẩn mực của Công ước La Hay năm 1993. Đây chính là khoảng trống học thuật mà bài viết tập trung làm rõ nhằm cung cấp luận cứ khoa học vững chắc cho việc sửa đổi, hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

2.1.3. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng gồm: phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp hệ thống hóa và phương pháp so sánh pháp luật là công cụ then chốt để đối chiếu quy định trong nước với Công ước La Hay năm 1993 và kinh nghiệm quốc tế, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật.

2.2. Thực trạng pháp luật và những bất cập trong quy định về điều kiện của chủ thể trong quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam

Ở Việt Nam, các quy định về điều kiện của chủ thể trong quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được xây dựng tương đối đầy đủ trong Luật Nuôi con nuôi năm 2010, Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành. Sau khi gia nhập Công ước La Hay năm 1993, hệ thống pháp luật Việt Nam đã từng bước nội luật hóa nhiều nguyên tắc quan trọng của Công ước. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy nhiều quy định về điều kiện của các chủ thể vẫn còn thiếu tính thống nhất, chưa theo kịp yêu cầu hội nhập quốc tế.

2.2.1. Thực trạng pháp luật và những bất cập trong quy định về điều kiện của người được nhận làm con nuôi

Theo khoản 1 Điều 8 Luật Nuôi con nuôi năm 2010, người được nhận làm con nuôi chủ yếu là trẻ em dưới 16 tuổi; trường hợp từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chỉ áp dụng nếu là con riêng của vợ hoặc chồng, hoặc được cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận làm con nuôi. Nhằm bảo đảm quyền của trẻ em được chăm sóc và phát triển trong môi trường gia đình gốc, pháp luật Việt Nam đã nội luật hóa nguyên tắc hỗ trợ của Công ước La Hay năm 1993 thông qua quy định bắt buộc phải thực hiện thủ tục tìm gia đình thay thế trong nước trước khi giới thiệu trẻ em cho người nước ngoài nhận làm con nuôi (Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế, 1993). Sự chuyển biến này thể hiện tư duy lập pháp tiến bộ khi xác định nuôi con nuôi quốc tế chỉ là biện pháp bảo vệ thay thế sau cùng. Tuy nhiên, hệ thống quy phạm hiện hành vẫn bộc lộ những bất cập sau:

Trước hết, pháp luật mới chỉ xác định điều kiện về độ tuổi mà chưa quy định đầy đủ về điều kiện hoàn cảnh của trẻ em được phép cho làm con nuôi. Luật Nuôi con nuôi không xác định rõ những trường hợp nào trẻ em thực sự cần được thay thế môi trường gia đình bằng quan hệ nuôi con nuôi, dẫn đến trên thực tế vẫn xuất hiện trường hợp cha mẹ đẻ tự nguyện cho con làm con nuôi mặc dù vẫn có đầy đủ khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, cần luật hóa cụ thể các tiêu chí như: trẻ mồ côi, bị bỏ rơi, không xác định được cha mẹ hoặc cha mẹ mất hoàn toàn khả năng chăm sóc nhằm phòng ngừa việc trục lợi chính sách.

Bên cạnh đó, ngoại lệ đối với trẻ em khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo hoặc nhiễm HIV/AIDS hiện nay còn chưa hoàn toàn tương thích với Công ước La Hay. Đối với trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo và trẻ em nhiễm HIV/AIDS được nhận làm con nuôi theo diện đích danh, pháp luật Việt Nam cho phép miễn thủ tục thông báo tìm gia đình thay thế theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 15 và miễn thủ tục giới thiệu trẻ em làm con nuôi theo khoản 1 Điều 36 Luật Nuôi con nuôi năm 2010. Mặc dù quy định này góp phần rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ và tạo điều kiện để nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt sớm có gia đình thay thế, song cũng cần được xem xét dưới góc độ bảo đảm sự phù hợp với nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước của Công ước La Hay năm 1993. Theo nguyên tắc này, việc nuôi con nuôi quốc tế chỉ nên được thực hiện sau khi đã xem xét đầy đủ khả năng bố trí trẻ em được chăm sóc trong phạm vi quốc gia gốc.

Ngoài ra, việc xác minh tình trạng trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi ở nhiều địa phương còn phụ thuộc khá lớn vào hồ sơ hành chính, trong khi công tác đánh giá hoàn cảnh thực tế của trẻ và gia đình chưa được thực hiện bởi đội ngũ công tác xã hội chuyên nghiệp. Điều này làm giảm tính khách quan trong quá trình xác định trẻ em có thực sự cần được cho làm con nuôi quốc tế hay không.

2.2.2. Thực trạng pháp luật và những bất cập trong quy định về điều kiện của người nhận con nuôi

Theo Điều 14 Luật Nuôi con nuôi năm 2010, người nhận con nuôi phải đáp ứng đồng thời các điều kiện: có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; hơn người được nhận làm con nuôi từ 20 tuổi trở lên; có điều kiện sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; có tư cách đạo đức tốt và không thuộc các trường hợp bị cấm nhận con nuôi. Đối với quan hệ có yếu tố nước ngoài, Điều 29 Luật này quy định người nhận nuôi phải đồng thời đáp ứng các điều kiện theo pháp luật của quốc gia nơi họ thường trú. Quy định này hoàn toàn tương thích với các nguyên tắc của Công ước La Hay năm 1993, thiết lập cơ chế an toàn pháp lý ngăn ngừa nguy cơ giao trẻ cho các cá nhân không đủ năng lực nuôi dưỡng. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm nêu trên, các quy định về điều kiện của người nhận con nuôi vẫn còn một số điểm chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn và xu hướng hoàn thiện pháp luật quốc tế.

Thứ nhất, pháp luật Việt Nam chưa quy định độ tuổi tối thiểu của người nhận con nuôi mà chỉ quy định khoảng cách chênh lệch tuổi giữa người nhận nuôi và con nuôi. Điều này dẫn đến thực tiễn một cá nhân mới đủ hai mươi tuổi nhưng nhận nuôi trẻ sơ sinh về mặt pháp lý vẫn đáp ứng khoảng cách tuổi theo luật, trong khi khả năng tài chính, kinh nghiệm sống và kỹ năng làm cha mẹ chưa chắc đã đáp ứng yêu cầu chăm sóc trẻ lâu dài. Vì vậy, việc luật hóa độ tuổi tối thiểu (song song với khoảng cách tuổi) là yêu cầu cần thiết nhằm bảo đảm tính ổn định bền vững của quan hệ gia đình.

Thứ hai, pháp luật hiện hành cũng chưa quy định đầy đủ về điều kiện đối với trường hợp hai vợ chồng cùng nhận một người làm con nuôi. Điều 14 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 chỉ quy định các điều kiện chung đối với người nhận con nuôi mà chưa làm rõ trong trường hợp vợ chồng cùng đứng tên nhận nuôi thì cả hai người đều phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo luật hay chỉ cần một người đáp ứng một số điều kiện nhất định. Khoảng trống pháp lý này có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt đối với các điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở và tư cách đạo đức của người nhận nuôi.

Thứ ba, khoản 3 Điều 14 Luật Nuôi con nuôi năm 2010 miễn áp dụng điều kiện về hơn con nuôi từ hai mươi tuổi trở lên và điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở đối với trường hợp cha dưỡng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng hoặc cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi. Quy định này xuất phát từ mục đích tạo điều kiện thuận lợi để củng cố các mối quan hệ gia đình vốn đã tồn tại trên thực tế. Tuy nhiên, quan hệ nuôi con nuôi sau khi được xác lập vẫn làm phát sinh đầy đủ quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con theo quy định của pháp luật, do đó khoảng cách tuổi hợp lý giữa người nhận nuôi và người được nhận nuôi vẫn cần phải xem xét để bảo đảm tính ổn định của quan hệ gia đình cũng như phù hợp với đặc trưng của quan hệ giữa hai thế hệ.

Một vấn đề khác đang đặt ra trong bối cảnh hội nhập là việc giải quyết quan hệ nuôi con nuôi khi cha mẹ nuôi là công dân nước ngoài sinh sống tại quốc gia cho phép hôn nhân đồng giới. Hiện nay pháp luật Việt Nam chưa có quy định xử lý đối với trường hợp sau khi việc nuôi con nuôi đã được công nhận thì cha hoặc mẹ nuôi kết hôn với người cùng giới và người này tiếp tục nhận trẻ làm con nuôi

theo pháp luật nước sở tại. Đây là khoảng trống pháp lý có thể phát sinh nhiều hệ quả trong thực tiễn nhưng chưa được Luật Nuôi con nuôi dự liệu đầy đủ.

2.3. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về điều kiện của chủ thể trong quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam

2.3.1. Hoàn thiện quy định về điều kiện của người được nhận làm con nuôi

Thứ nhất, về điều kiện độ tuổi của người được nhận làm con nuôi, Luật Nuôi con nuôi hiện hành quy định về tuổi của người được nhận làm con nuôi là “trẻ em dưới 16 tuổi” (Quốc hội, 2010) là một quy định cần được điều chỉnh do theo Luật Trẻ em thì trẻ em được xác định là “người dưới 16 tuổi” (Quốc hội, 2016). Vì vậy, để thống nhất về mặt thuật ngữ pháp lý, quy định này nên sửa là “người được nhận làm con nuôi là trẻ em” hoặc “người được nhận làm con nuôi là người dưới 16 tuổi” (Nguyễn Phương Lan, 2017, tr. 25).

Thứ hai, Luật Nuôi con nuôi năm 2010 chủ yếu quy định điều kiện về độ tuổi mà chưa xác định rõ hoàn cảnh pháp lý của trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi. Trong khi đó, theo tinh thần của Công ước La Hay năm 1993, nuôi con nuôi quốc tế chỉ được thực hiện khi trẻ em thực sự không còn cơ hội được chăm sóc phù hợp tại gia đình gốc hoặc tại quốc gia nơi trẻ cư trú. Theo quan điểm của tác giả, chỉ những trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em không xác định được cha mẹ hoặc trẻ em mà cha mẹ không còn khả năng thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng mới nên được xem xét cho làm con nuôi. Cách tiếp cận này sẽ góp phần hạn chế tình trạng cha mẹ tự nguyện cho con làm con nuôi chỉ vì khó khăn kinh tế hoặc vì các lý do không thực sự xuất phát từ lợi ích của trẻ em.

Thứ ba, pháp luật cũng cần hoàn thiện quy định về việc xác minh trẻ em đủ điều kiện được cho làm con nuôi. Hiện nay, việc xác minh chủ yếu dựa trên hồ sơ do chính quyền địa phương lập, trong khi hoạt động đánh giá điều kiện sống của trẻ và gia đình còn thiếu sự tham gia của đội ngũ công tác xã hội chuyên nghiệp. Vì vậy, cần bổ sung quy định bắt buộc có báo cáo đánh giá hoàn cảnh của trẻ em do cơ quan bảo vệ trẻ em hoặc nhân viên công tác xã hội thực hiện trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định giới thiệu trẻ em làm con nuôi nước ngoài.

Thứ tư, cần rà soát quy định về các trường hợp ngoại lệ đối với trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc nhiễm HIV/AIDS. Việc tạo điều kiện để các nhóm trẻ em này sớm có gia đình thay thế là cần thiết; tuy nhiên, việc miễn hoặc rút gọn thủ tục tìm gia đình thay thế trong nước cần được cân nhắc kỹ lưỡng để bảo đảm phù hợp với nguyên tắc ưu tiên nuôi con nuôi trong nước theo Công ước La Hay. Theo đó, chỉ khi đã chứng minh đầy đủ rằng không thể tìm được gia đình thay thế phù hợp trong nước trong thời hạn hợp lý thì mới nên chuyển sang giải pháp nuôi con nuôi quốc tế.

2.3.2. Hoàn thiện quy định về điều kiện của người nhận con nuôi

Đối với người nhận con nuôi, yêu cầu đặt ra là vừa bảo đảm quyền của cá nhân được xác lập quan hệ nuôi con nuôi, vừa bảo đảm trẻ em được sống trong môi trường gia đình ổn định, an toàn và phù hợp với sự phát triển toàn diện.

Trước hết, cần nghiên cứu bổ sung quy định về độ tuổi tối thiểu của người nhận con nuôi. Hiện nay, pháp luật chỉ yêu cầu người nhận nuôi hơn con nuôi từ hai mươi tuổi trở lên mà không quy định độ tuổi tối thiểu của người nhận nuôi. Điều này dẫn đến khả năng một người vừa đủ tuổi thành niên vẫn có thể đáp ứng điều kiện nhận nuôi trẻ sơ sinh nếu bảo đảm khoảng cách tuổi theo luật. Pháp luật Việt Nam có thể điều chỉnh quy định người nhận con nuôi phải từ đủ 25 tuổi trở lên, đồng thời vẫn duy trì khoảng cách tối thiểu 20 năm giữa cha mẹ nuôi và con nuôi. Theo quan điểm của tác giả, quy định này sẽ phản ánh đầy đủ hơn mức độ trưởng thành về tâm lý, điều kiện kinh tế và khả năng thực hiện chức năng làm cha mẹ của người nhận nuôi, đồng thời phù hợp với xu hướng lập pháp của nhiều quốc gia.

Bên cạnh đó, cần bổ sung quy định cụ thể về điều kiện áp dụng đối với trường hợp vợ chồng cùng nhận một người làm con nuôi nhằm khắc phục khoảng trống pháp lý hiện nay. Theo đó, pháp luật cần xác định rõ cả hai vợ chồng đều phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện mang tính chất cá nhân, bao gồm có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có tư cách đạo đức tốt và không thuộc các trường hợp bị cấm nhận con nuôi theo Điều 14 Luật Nuôi con nuôi năm 2010. Ngược lại, đối với các điều kiện về sức khỏe, kinh

tế và chỗ ở, pháp luật nên cho phép đánh giá trên cơ sở điều kiện chung của gia đình thay vì xem xét riêng biệt từng người. Cách tiếp cận này vừa phản ánh đúng bản chất của quan hệ hôn nhân và gia đình, vừa bảo đảm tính linh hoạt trong quá trình thẩm định hồ sơ, đồng thời vẫn đáp ứng yêu cầu bảo vệ lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Đối với trường hợp nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi cũng tương tự, vợ hoặc chồng đã ly hôn có thể kết hôn với người nước ngoài, do đó khi họ nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi cần tuân thủ và phù hợp với pháp luật của nước nơi họ thường trú. Quy định tại khoản 3 Điều 14 Luật Nuôi con nuôi hiện hành không yêu cầu người nhận nuôi con nuôi và người được nhận làm con nuôi phải đáp ứng khoảng cách về độ tuổi là chưa phù hợp với thực tế cuộc sống và chưa tương đồng với quan hệ nuôi con nuôi nước ngoài. Pháp luật của Pháp quy định: “Người nhận nuôi con nuôi phải hơn con nuôi 15 tuổi trở lên. Nếu con nuôi là con của vợ hay chồng thì người nhận nuôi con nuôi chỉ cần lớn hơn con nuôi 10 tuổi” (Cộng hòa Pháp, 2025). Theo tác giả, có thể quy định rằng trong trường hợp nhận nuôi con nuôi giữa bố dượng, mẹ kế với con riêng hoặc giữa những người có quan hệ họ hàng thì độ tuổi của người nhận nuôi phải từ 20 tuổi trở lên và khoảng cách giữa người nhận nuôi với người được nhận nuôi phải từ 15 tuổi trở lên. Trong trường hợp này, người nhận nuôi từ đủ 20 tuổi trở lên cũng tương ứng với độ tuổi kết hôn, sinh con, với khoảng cách 15 tuổi giữa hai bên mới tương đồng với khoảng cách giữa hai thế hệ cha, mẹ và con trong quan hệ nuôi con nuôi và người nhận nuôi mới có đủ khả năng để thực hiện vai trò, trách nhiệm làm cha mẹ của mình đối với con nuôi.

Ngoài ra, trong bối cảnh nhiều quốc gia đã thừa nhận hôn nhân đồng giới hoặc quan hệ chung sống giữa những người cùng giới và cho phép các cặp đôi này nhận con nuôi, pháp luật Việt Nam cần nghiên cứu bổ sung quy định về xử lý các trường hợp nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài phát sinh từ các quan hệ này. Theo đó, cần làm rõ cơ chế công nhận hoặc ghi nhận hậu quả pháp lý của việc nuôi con nuôi được xác lập hợp pháp ở nước ngoài, đồng thời quy định nguyên tắc giải quyết các xung đột pháp luật trên cơ sở bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

3. Kết luận

Hoàn thiện pháp luật về điều kiện chủ thể trong quan hệ nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài là đòi hỏi cấp thiết từ thực tiễn thi hành Luật Nuôi con nuôi năm 2010 và tiến trình hội nhập quốc tế. Việc sửa đổi các quy định liên quan cần được thực hiện theo hướng lấy lợi ích tốt nhất của trẻ em làm nguyên tắc xuyên suốt, đồng thời bảo đảm sự thống nhất giữa pháp luật quốc gia với Công ước La Hay năm 1993 và các điều ước quốc tế có liên quan. Chỉ khi xây dựng được hệ thống điều kiện chặt chẽ, minh bạch và phù hợp với thực tiễn thì pháp luật về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài mới thực sự trở thành công cụ pháp lý hữu hiệu nhằm bảo vệ toàn diện quyền trẻ em và nâng cao hiệu quả hợp tác tư pháp quốc tế của Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2011). *Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi*.

Cộng hòa Pháp (2025). *Bộ luật Dân sự (Code civil)*.

Hội nghị La Hay về Tư pháp quốc tế (1993). *Công ước ngày 29/5/1993 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế*. Nguyễn Phương Lan (2017). Những bất cập về điều kiện nuôi con nuôi trong Luật Nuôi con nuôi năm 2010. *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (352).

Quốc hội (2010). *Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12 ngày 17/6/2010*.

Quốc hội (2014). *Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014*.

Quốc hội (2016). *Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016*.

Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF) Việt Nam, & Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp (2014). *Cấp phép và các tổ chức được cấp phép trong lĩnh vực nuôi con nuôi: Những nguyên tắc chung và hướng dẫn thực hiện* (Sách hướng dẫn số 2).

Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp (2021). *Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Nuôi con nuôi năm 2010 và Công ước La Hay số 33 về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực nuôi con nuôi quốc tế*, Hà Nội.